

Phụ lục 2A

BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU
TỔNG KẾT CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG, CHỐNG MẠI DÂM GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Đơn vị: SỞ Y TẾ QUẢNG NGÃI)

Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện					Tổng cộng
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
1. Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện							
Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản chỉ đạo	Văn bản	180	185	165	125	78	733
2. Công tác truyền thông, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về phòng, chống mại dâm							
- Số cuộc truyền thông, tuyên truyền về công tác phòng chống mại dâm tại cộng đồng	Cuộc	180	198	425	978	689	2.470
- Số người tham gia các cuộc truyền thông, tuyên truyền về công tác phòng chống mại dâm tại cộng đồng	Lượt người	57.263	49.952	93.862	133.018	124.254	458.349
- Số panô, áp phích, tờ rơi thực hiện truyền thông, tuyên truyền về công tác phòng chống mại dâm tại cộng đồng	Panô, áp phích, tờ rơi	12.356	8.756	5.640	2.700	1.562	31.014
Số lượt thông tin về phòng, chống mại dâm được đăng tải trên cơ quan báo chí cấp tỉnh	Lượt	355	426	416	1.849	686	3.732

Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện					Tổng cộng
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
Số lượng người có nguy cơ cao tham gia tệ nạn mại dâm được tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật, cung cấp thông tin, kiến thức về phòng, chống mại dâm. Trong đó:		42.633	53.174	89.453	76.899	80.913	89.453
+ Số người lao động tại cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ phát sinh tệ nạn mại dâm	Người	6.351	6.348	6.345	6.345	6.325	6.351
+ Số người lao động trong các khu công nghiệp	Người	16.123	19.826	35.949	23.529	27.232	35.949
+ Số học sinh, sinh viên các trường THPT, cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Người	20.159	27.000	47.159	47.025	47.356	47.356
2. Hoạt động phòng ngừa mại dâm thông qua lồng ghép các chương trình có liên quan tại địa bàn cơ sở							
Các chương trình đã lồng ghép với hoạt động phòng chống mại dâm, cụ thể:							
+ Chương trình phát triển kinh tế - xã hội	Có hoặc không	Có	Có	Có	Có	Có	Có
+ Chương trình an sinh xã hội	Có hoặc không	Có	Có	Có	Có	Có	Có
+ Chương trình phòng, chống ma túy	Có hoặc không	Có	Có	Có	Có	Có	Có

Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện					Tổng cộng
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
+ Chương trình phòng, chống HIV/AIDS	Có hoặc không	Có	Có	Có	Có	Có	Có
+ Chương trình về dạy nghề, tìm việc làm, hỗ trợ vay vốn, giảm nghèo	Có hoặc không	Có	Có	Có	Có	Có	Có
+ Các chương trình khác (ghi rõ:.....)	Có hoặc không	Có	Có	Có	Có	Có	Có
3. Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật của Đội kiểm tra liên ngành về phòng, chống tệ nạn mại dâm (gọi tắt là Đội kiểm tra liên ngành 178)							
- Tổng số Đội kiểm tra liên ngành PCMD tại địa phương	Đội	22	22	22	22	22	22
Trong đó:							
+ Đội cấp tỉnh	Đội	2	2	2	2	2	2
+ Đội cấp quận/huyện	Đội	22	22	22	22	22	22
Số lượng thành viên tham gia Đội KTLN PCMD	Người	275	275	275	272	0	272
Trong đó:							
+ Số thành viên thuộc Đội cấp tỉnh	Người	16	16	16	16	16	16
+ Số thành viên thuộc Đội cấp quận/huyện	Người	176	176	176	176	176	176

Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện					Tổng cộng
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
- Tổng số cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm tra trong kỳ	Cơ sở	245	187	169	157	0	758
- Số cơ sở chịu các hình thức xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm	Cơ sở	65	38	25	18	0	146
<i>Trong đó:</i>							
+ Số cơ sở bị rút giấy phép kinh doanh	Cơ sở	0	0	0	0	0	0
+ Số cơ sở bị đình chỉ kinh doanh	Cơ sở	0	0	0	0	0	0
+ Số cơ sở bị cảnh cáo	Cơ sở	48	35	28	21	0	132
+ Số cơ sở bị phạt tiền	Cơ sở	13	7	9	11	0	40
* Số tiền phạt	Triệu đồng	117	109	52,45	22	0	300,45
+ Số cơ sở bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung	Cơ sở	0	0	0	0	0	0
4. Đấu tranh phòng, chống tội phạm liên quan đến mại dâm							
- Số cuộc truy quét tại địa điểm công cộng	Cuộc	0	0	0	0	0	0
- Số cuộc triệt phá tại các cơ sở KDDV	Cuộc	5	9	3	4	1	22
- Tổng số người vi phạm	Người	18	45	7	8	5	89
<i>Trong đó:</i>							
+ Số người mua dâm	Người	8	18	2	4	2	34
+ Số người bán dâm	Người	6	15	2	4	2	35
+ Số người bán dâm dưới 18 tuổi	Người	2	2	0	0	0	4
+ Số chủ chứa, môi giới	Người	2	10	3	0	1	16

Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện					Tổng cộng
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
Số tội phạm liên quan đến mại dâm được xử lý theo quy định của pháp luật							
- Số người bị xử lý vi phạm hành chính	Người	12	30	4	8	4	58
Trong đó:							
+ Số ng-ười bán dâm	Người	6	15	2	4	2	29
+ Số ng-ười mua dâm	Người	6	15	2	4	2	29
+ Số ng-ười bán dâm dưới 18 tuổi	Người	2	2	0	0	0	4
- Số người bị xử lý hình sự	Người	4	12	3	0	1	5
+ Số người mua dâm người chưa thành niên	Người	2	3	0	0	0	5
+ Số môi giới	Người	0	3	1	0	1	5
+ Số chủ chứa	Người	2	7	2	0	0	11
5. Hoạt động can thiệp giảm tác hại, phòng ngừa lây nhiễm các bệnh xã hội và HIV/AIDS, phòng ngừa, giảm tình trạng bạo lực trên cơ sở giới trong PCMD và hòa nhập cộng đồng cho người bán dâm							
- Tổng số người bán dâm có nhu cầu tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ xã hội, hòa nhập cộng đồng	Người						
Số người bán dâm có nhu cầu và đủ điều kiện được hỗ trợ	Người						
Trong đó:							
+ Số đối tượng được tư vấn, trợ giúp pháp lý	Lượt người	0	0	0	0	0	0
+ Số đối tượng được vay vốn	Lượt người	0	0	0	0	0	0

Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện					Tổng cộng
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
* Số tiền mà người bán dâm được vay	Triệu đồng	0	0	0	0	0	0
+ Số đối tượng được học nghề, tạo việc làm	Lượt người	0	0	0	0	0	0
+ Số đối tượng được hỗ trợ về y tế, chăm sóc sức khỏe	Lượt người	0	0	0	0	0	0
+ Số đối tượng được cung cấp các dịch vụ về phòng, chống lây nhiễm HIV	Lượt người	0	0	0	0	0	0
Số người bán dâm được tham gia sinh hoạt tại các câu lạc bộ đồng đẳng, các nhóm tự lực,...	Người	0	0	0	0	0	0
- Tổng số mô hình được xây dựng, duy trì (nêu rõ mô hình gì?)	Mô hình	0	0	0	0	0	0
Số quận/huyện xây dựng, triển khai mô hình PCMD	Quận/huyện	0	0	0	0	0	0
6. Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác phòng, chống mại dâm							
Số cán bộ làm công tác phòng, chống mại dâm ở địa phương	Người	97	97	97	97	97	97
+ Cấp tỉnh		1	1	1	1	1	1
+ Cấp xã		96	96	96	96	96	96
III. Kinh phí							
Tổng kinh phí	Triệu đồng						
<i>Trong đó:</i>							
+ Từ ngân sách của địa phương	Triệu đồng	90	90	90	90	387	747

Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện					Tổng cộng
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
+ Từ ngân sách Trung ương	Triệu đồng	0	0	0	0	0	0
+ Từ nguồn khác	Triệu đồng	0	0	0	0	0	0
Nhu cầu đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ của Chương trình	Triệu đồng						